

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẤT NGẬP NƯỚC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ

Võ Văn Minh¹, Nguyễn Văn Khánh¹, Lê Thị Hiếu Giang¹ và Phan Thị Hiền²

¹ Khoa Sinh – Môi trường, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

² Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng

Tóm tắt

Đà Nẵng là một trong những đô thị lớn của miền Trung, nơi có diện tích các vùng đất ngập nước lớn và có vai trò quan trọng đối với môi trường cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Chức năng chính của các vùng đất ngập nước tại thành phố Đà Nẵng là điều tiết nước, điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan, chứa đặng và xử lý nước thải, cung cấp nguồn lợi thủy sản và phát triển du lịch. Tuy nhiên, các vùng đất ngập nước ở đây đang có dấu hiệu suy giảm các chức năng của nó do nhiều nguyên nhân khác nhau như: quản lý và quy hoạch sử dụng chưa hợp lý, ô nhiễm môi trường, chính quyền và người dân chưa thực sự quan tâm đến tầm quan trọng của các vùng đất ngập nước... Do vậy, việc định hướng quản lý phát triển bền vững các vùng đất ngập nước ở thành phố Đà Nẵng là rất cần thiết để đảm bảo cho việc bảo tồn và phát huy hết các giá trị của các vùng đất ngập nước, đặc biệt trong vấn đề thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị lớn hiện nay.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đà Nẵng là một trong những thành phố phát triển bậc nhất của khu vực miền Trung, là nơi có nhiều vùng đất ngập nước (ĐNN) quan trọng, có diện tích chiếm tỷ lệ đáng kể so với tổng diện tích toàn thành phố. Các vùng ĐNN lớn ở Đà Nẵng bao gồm hệ thống sông ngòi, các vùng cửa sông ven biển, các hồ đầm chứa nước ngọt, trong đó, sông Hàn và sông Cu Đê là hai sông chính chảy qua địa bàn thành phố, ngoài ra trên địa bàn còn có các sông như sông Cầu Đỏ, sông Yên, sông Chu Bái, sông Vĩnh Điện, sông Túy Loan, sông Phú Lộc... Đà Nẵng hiện có 30 hồ, đầm nước ngọt các loại với tổng diện tích mặt nước hồ vào khoảng 1,8 triệu m², có hơn 546 ha mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản (Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005; Trung tâm Bảo vệ Môi trường TP. Đà Nẵng, 2008).

Các vùng ĐNN của thành phố Đà Nẵng có vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phòng chống thiên tai, cung cấp nguồn nước chính cho sinh hoạt và sản xuất, nuôi trồng thủy sản, xây dựng các công trình thủy điện, hạn chế ô nhiễm và làm sạch môi trường... Các vùng ĐNN còn là nơi lưu trữ nhiều giá trị về đa dạng sinh học. Đặc biệt, diện tích các vùng ĐNN có vai trò rất lớn trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và điều hòa vi khí hậu cho thành phố Đà Nẵng.

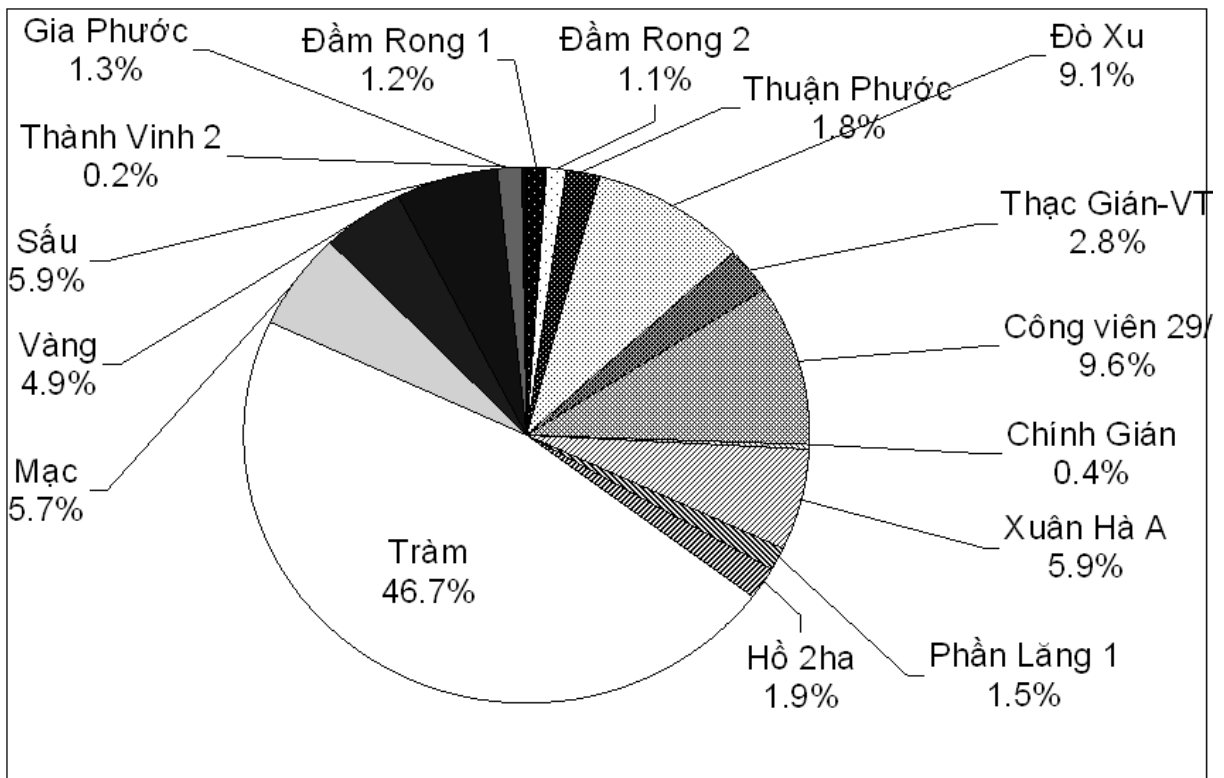
Tuy nhiên, do việc khai thác và sử dụng các vùng ĐNN trên địa bàn thành phố thiếu sự quy hoạch đồng bộ, các chức năng của ĐNN chưa được giữ gìn và bảo vệ, do đó, nhiều vùng ĐNN đang bị suy giảm tính năng, tác động đến môi trường. Nhiều vùng bị chuyển đổi mục đích sử dụng, tài nguyên nước suy giảm, nguồn lợi thủy sản bị khai thác quá mức, một lượng lớn chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp đổ ra các thủy vực gây ô nhiễm một số vùng ĐNN của thành phố. Đây là một thách thức lớn trong lộ trình xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố môi trường vào năm 2020.

2. ĐẶC ĐIỂM ĐẤT NGẬP NƯỚC Ở ĐÀ NẴNG

Thành phố Đà Nẵng có hơn 55 km bờ biển, 8 hệ thống sông ngòi lớn nhỏ, 30 hồ, đầm chứa nước ngọt và hơn 500 ha khu vực nuôi trồng thủy sản đã tạo nên các hệ sinh thái ĐNN vô cùng phong phú và đa dạng cho thành phố (Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, 2008).

Khu vực hạ lưu sông Cu Đê và vùng biển Vịnh Đà Nẵng gần cửa sông Cu Đê là vùng sinh thái nhạy cảm do ở đây có hệ sinh thái thủy sinh tự nhiên tại các vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn, hệ sinh thái nhân tạo bao gồm các trại nuôi tôm, cá nước ngọt, các cánh đồng lúa. Một số hệ sinh thái quan trọng cần quan tâm là thảm cỏ biển ở khu vực gần cửa sông Cu Đê, rạn san hô ven chân đèo Hải Vân, các khu nuôi trồng thủy sản và đồng lúa. Các hệ sinh thái này có thể bị tác động bởi chất thải từ các nguồn thải trên bờ. Hai khu công nghiệp lớn của TP. Đà Nẵng là khu công nghiệp Hòa Khánh và khu công nghiệp Liên Chiểu đều đổ nước thải vào lưu vực sông Cu Đê ở vị trí cách cửa sông khoảng 900 m (Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005). Ở bờ Nam sông Cu Đê còn có khu nuôi trồng thủy sản và đồng lúa với diện tích khoảng 50 ha. Ngoài ra, sông còn là nơi đổ ra lượng nước thải lớn từ các khu dân cư, khu nuôi trồng thủy sản và đồng ruộng sản xuất nông nghiệp. Do đó, trong những năm gần đây, chất lượng nước ở khu vực hạ lưu các sông ở Đà Nẵng đang có dấu hiệu suy giảm.

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện có 30 hồ, đầm các loại, với tổng diện tích mặt nước hồ vào khoảng 1,8 triệu m², dung tích chứa nước tối đa vào khoảng 3,3 triệu m³. Hệ thống hồ, đầm đóng vai trò rất quan trọng đối với thành phố Đà Nẵng, đặc biệt là đối với khu vực đô thị của Đà Nẵng. Trong đó, hồ Bàu Tràm chiếm diện tích lớn nhất (46,7%) và còn lại là các hồ khác. Sự phân bố của các hồ, đầm ở thành phố Đà Nẵng không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các quận nội thành như Hải Châu, Thanh Khê, trong khi đó các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu không có nhiều hồ (Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005) (Hình 2.1).



Hình 2.1. Tỷ lệ % diện tích các hồ ở Đà Nẵng

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005.

Chức năng của hồ, đầm trong địa bàn thành phố Đà Nẵng là đảm nhận điều tiết nước, điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan và có thể tự làm sạch nước thải đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình chỉnh trang đô thị, diện tích nhiều hồ trong khu vực nội thị bị giảm đi nhanh chóng, đồng thời tình trạng ô nhiễm môi trường ở các hồ, đầm ngày càng gia tăng, đặc biệt là vào mùa khô.

Các vùng ĐNN trong khu vực nội thành Đà Nẵng có sự đa dạng về vị trí và vai trò quan trọng đối với người dân sống trong khu vực này. Vì vậy, việc sử dụng khôn ngoan tài nguyên ĐNN sẽ góp phần khai thác tối đa chức năng và giá trị của ĐNN trong công cuộc phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường của thành phố Đà Nẵng và đặc biệt là ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

3. VAI TRÒ CỦA CÁC VÙNG ĐNN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Các hệ thống hồ, đầm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói chung có vai trò chủ yếu trong việc điều tiết nước, điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan và xử lý nước thải đô thị:

3.1. Chức năng điều tiết nước

Đây là chức năng cơ bản của hồ, đầm, vì chúng là vùng đất trũng, nên chúng có chức năng tự nhiên là chứa nước mưa trước khi nước mưa thoát ra sông, biển. Đối với các đô thị ven biển như thành phố Đà Nẵng thì chức năng này đặc biệt có giá trị bởi vì chúng giúp tích lũy tạm thời nước mưa và nhờ đó làm giảm mức độ ngập lụt do mưa to tại các khu vực nội thành hoặc do mưa bão kết hợp với nước biển dâng.

Trong khu vực nội thành, chỉ có 2 hồ (hồ Tràm và Đò Xu) có tỷ lệ % lượng nước điều tiết lớn hơn 10% tổng lượng nước có thể điều tiết bởi hệ thống hồ, đầm trong thành phố. Các hồ có tỷ lệ nước điều tiết lớn hơn 5% bao gồm hồ Công Viên 29/3, Mạc, Vàng, Sầu. Các hồ còn lại có tỷ lệ nước điều tiết thấp hơn, tuy nhiên cũng đóng vai trò lớn trong việc điều tiết nước cho thành phố Đà Nẵng (Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005).

3.2. Chức năng điều hòa vi khí hậu

Tùy thuộc vào tỷ lệ giữa diện tích hồ với diện tích khu đô thị mà hồ, đầm có chức năng điều hòa vi khí hậu của hồ là quan trọng hay ít quan trọng. Đà Nẵng là nơi tập trung sản xuất công nghiệp, dân cư đông đúc, mật độ xây dựng cao. Môi trường sống bắt đầu có dấu hiệu ô nhiễm bởi khói bụi, khí độc, nước thải công nghiệp cũng như khí thải từ các phương tiện giao thông... Nhờ sự có mặt của hệ thống hồ, đầm trong nội thành đã làm cho không khí của các khu phố được trong lành, mát dịu hơn.

3.3. Chức năng tạo cảnh quan đẹp, nghỉ ngơi, giải trí

Ngày nay, các đô thị hiện đại thường không thể thiếu được hệ thống các hồ điều hòa nằm xen lẫn với các khu phố dài và đông đúc dân cư, các hồ tạo nên cảnh quan mới cho khu phố. Diện tích xung quanh hồ trở thành không gian có giá trị cho các khu đô thị, bởi vì nó là nơi nghỉ ngơi, giải trí của người dân sinh sống ở xung quanh hồ. Tại thành phố Đà Nẵng, không gian hồ Công viên 29-3 được xem là điểm sinh hoạt công cộng lý tưởng nhất và thường xuyên thu hút rất đông người dân đến đây.

3.4. Chức năng xử lý nước thải

Chất bẩn do nước mưa chảy tràn cuốn theo bao gồm chất bẩn có sẵn trên mặt đất và chất bẩn từ hệ thống cống thoát nước đô thị. Nhờ sự có mặt của vi khuẩn, tảo, động vật nguyên sinh, các loài thực vật thủy sinh mà chất thải trong hồ được phân hủy và làm sạch một cách tự nhiên. Chức năng này lại tùy thuộc theo diện tích, dung tích chứa nước của hồ và lượng chất thải đi vào hồ, nếu lượng thải vào hồ vượt quá mức tự xử lý của hồ thì hồ bắt đầu trở nên ô nhiễm. Một số hồ trong địa bàn thành phố Đà Nẵng bao gồm: Hồ Công Viên 29/3, Thuận Phước, Đầm Rong, Đò Xu đang có dấu hiệu ô nhiễm do lượng nước thải đô thị thải vào hồ quá lớn so với khả năng tự làm sạch của hồ.

3.5. Chức năng cung cấp nguồn tài nguyên nước

Các hệ thống sông ngòi ở thành phố Đà Nẵng đảm nhận chức năng cung cấp nguồn nước cho sinh hoạt cho dân cư. Hai con sông chính chảy qua thành phố Đà Nẵng là sông Hàn và sông Cu Đê chính là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các nhà máy nước của thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, lưu vực sông Cu Đê còn là nguồn cung cấp nước chính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Chỉ riêng khu vực hạ lưu của sông Cu Đê, có đến 128 ha nuôi trồng thủy sản, mang lại sinh kế cho hơn 140 hộ gia đình lao động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản (Trung tâm Bảo vệ Môi trường TP. Đà Nẵng, 2008; Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, 2009).

3.6. Chức năng dịch vụ

Với đường bờ biển dài, bãi biển Đà Nẵng được xem là một trong những bãi biển đẹp trên thế giới, hàng năm thu hút hàng triệu lượt du khách trong nước và quốc tế. Các vùng ĐNN ven biển này được xem là những điểm nhấn quan trọng trong quy hoạch phát triển du lịch, góp phần mang lại lợi ích kinh tế-xã hội cho thành phố Đà Nẵng trong tương lai.

4. NGUYÊN NHÂN GÂY SUY THOÁI CÁC HỆ SINH THÁI ĐNN Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

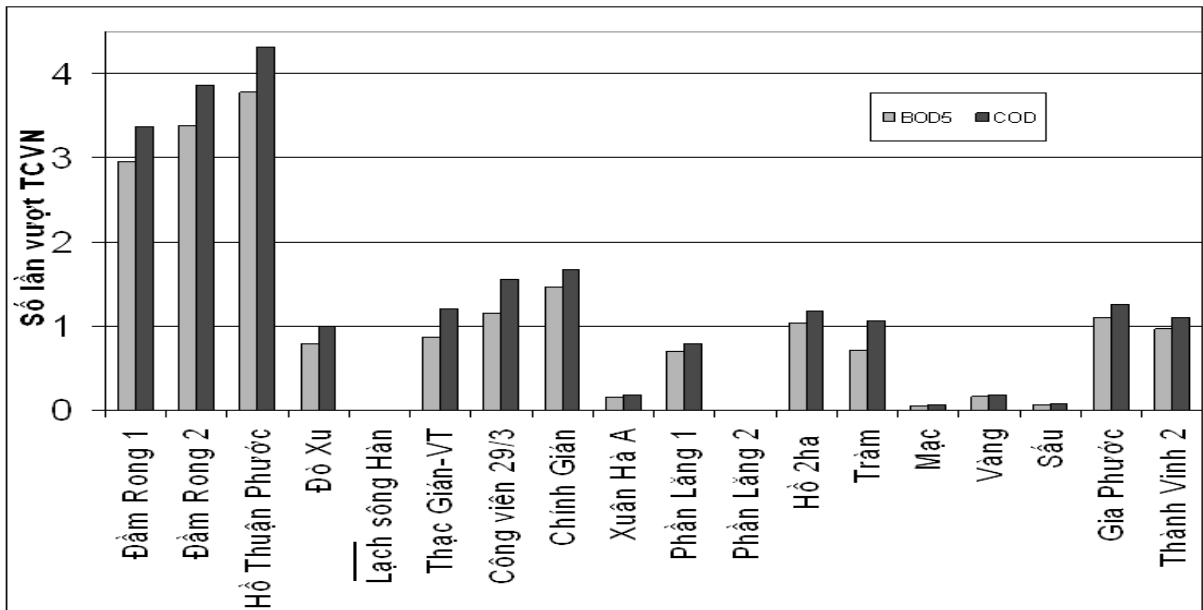
Những năm gần đây, do tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa tại thành phố Đà Nẵng diễn ra mạnh mẽ, một số diện tích ĐNN đã bị chuyển hóa sang mục đích sử dụng khác, vì vậy tính chất, giá trị của ĐNN cũng bị suy giảm theo. Mặt khác, hệ ĐNN ở thành phố Đà Nẵng đang có dấu hiệu ô nhiễm chất hữu cơ, ô nhiễm chất thải công nghiệp và chất thải từ các hoạt động nông nghiệp. Một số nguyên nhân làm suy thoái các vùng ĐNN ở thành phố Đà Nẵng bao gồm:

+ Việc phát triển và chỉnh trang đô thị đã làm thu hẹp diện tích của nhiều hồ, đầm; một số hồ diện tích còn lại rất nhỏ và hầu như chỉ còn đảm nhận chức năng tạo cảnh quan. Theo báo cáo thống kê các hồ, đầm trên địa bàn thành phố của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng (2005), sự suy giảm diện tích lòng hồ trong thành phố còn có nguyên nhân là do tình trạng lấn chiếm lòng hồ, đầm của các hộ dân đã xảy ra từ nhiều năm nay, nhưng vẫn chưa được ngăn chặn và xử lý kịp thời (Hình 4.1).



Hình 4.1. Các hồ đô thị đang bị thu hẹp diện tích nhanh chóng trước sức ép của quá trình đô thị hóa (a: hồ khu vực Liên Chiểu và b: hồ Đầm Rong)

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải và chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản đã làm ô nhiễm ô nhiễm, dẫn đến suy thoái chất lượng và chức năng của hệ sinh thái ĐNN (Hình 4.2 và Hình 4.3).



Hình 4.2. Mức độ ô nhiễm tại các hồ nội thành tại Đà Nẵng

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005.

+ Ngoài ra, việc quản lý hệ sinh thái ĐNN vẫn chưa được coi trọng đúng mức, đội ngũ cán bộ quản lý còn nhiều hạn chế về kiến thức sinh thái học ĐNN, dẫn đến hạn chế trong khâu quản lý, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan trong việc quy hoạch và giám sát các hệ sinh thái ĐNN, trong khi đó cộng đồng dân cư vẫn chưa nhận thức đầy đủ các giá trị và chức năng của ĐNN. Bởi vậy, người dân vẫn chưa ý thức được cần phải sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên này.



Hình 4.3. Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm nghiêm trọng ở nhiều vùng ĐNN của thành phố
(a: sông Phú Lộc và b: kênh nước thải KCN Hòa Khánh đổ ra sông Cu Đê)

5. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG ĐNN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Các vùng ĐNN đã và đang đóng góp một phần vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của thành phố Đà Nẵng. Do vậy, việc định

hướng quản lý phát triển bền vững các vùng ĐNN trong nội thành là rất cần thiết, nhằm phát huy hết các giá trị to lớn mà ĐNN mang lại cho thành phố. Để quản lý và phát triển bền vững các vùng ĐNN tại thành phố Đà Nẵng cần có các định hướng sau:

+ Trong quy hoạch phát triển đô thị, cần duy trì và phát triển các vùng ĐNN hiện có, chú ý giảm tác động đến các hồ đô thị, hạn chế thấp nhất việc san lấp hay thu hẹp diện tích để xây dựng các công trình đô thị khác.

+ Đẩy mạnh công tác giám sát ô nhiễm môi trường, đặt biệt kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm đối với hạ lưu sông Cu Đê, sông Hàn, vùng Vịnh Đà Nẵng và đối với hệ thống hồ đô thị trong thành phố, đảm bảo khai thác hợp lý các vùng ĐNN.

+ Ngoài ra, cần giáo dục và nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp về Công ước Bảo vệ các vùng ĐNN, chính sách, pháp luật liên quan đến việc sử dụng tài nguyên ĐNN. Xây dựng mạng lưới tuyên truyền, nâng cao hiểu biết về các giá trị của ĐNN đến cộng đồng dân cư, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc hoạch định các chính sách liên quan đến ĐNN. Từ việc nhận thức được tầm quan trọng của ĐNN đối với đời sống, cộng đồng sẽ tham gia có trách nhiệm hơn trong việc sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên này.

6. KẾT LUẬN

+ Các vùng ĐNN nội thành Đà Nẵng có tiềm năng to lớn cho sự phát triển chung của thành phố, cung cấp một diện tích lớn cho nuôi trồng thủy sản, cung cấp nguồn nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất, có vai trò lớn trong điều tiết nước cho thành phố, cải thiện khí hậu địa phương, tạo cảnh quan và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Quản lý các vùng ĐNN vẫn còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức liên quan. ĐNN đang có dấu hiệu suy giảm chức năng vốn có, gây ô nhiễm môi trường ở một số khu vực.

+ Để quản lý bền vững các vùng ĐNN, cần tuyên truyền, giáo dục cán bộ chính quyền các cấp và người dân về vai trò và giá trị của ĐNN. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc đồng thuận xây dựng các chính sách liên quan đến ĐNN, đảm bảo phát triển sinh kế cho cộng đồng, nhưng vẫn duy trì các chức năng của ĐNN. Có như vậy mới đảm bảo cho việc quản lý và bảo tồn các vùng ĐNN, nhằm giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đối với thành phố Đà Nẵng ở hiện tại và trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, 2008. Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng năm 2008. TP. Đà Nẵng.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng, 2005. Báo cáo thống kê các hồ, đầm trong thành phố Đà Nẵng. TP. Đà Nẵng.
3. Trung tâm Bảo vệ Môi trường TP. Đà Nẵng, 2008. Báo cáo hiện trạng môi trường lưu vực sông Cu Đê, TP. Đà Nẵng. TP. Đà Nẵng.

4. Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, 2009. Đánh giá tính dễ bị tổn thương và tác động của BĐKH tại thành phố Đà Nẵng.

Abstract

BASIC FEATURES OF WETLANDS OF DA NANG CITY AND DIRECTIONS FOR MANAGEMENT

Vo Van Minh¹, Nguyen Van Khanh¹, Le Thi Hieu Giang¹ and Phan Thi Hien²

¹ *Faculty of Biology & Environmental Science, College of Education, Da Nang University*

² *Da Nang Department of Natural Resources and Environment*

Da Nang is one of the major cities of Vietnam central, where has plenty of wetland areas play important roles for the environment as well as socio-economic development such as water and climate regulation, urban landscape, waste water treatment, supply of aquatic resources and tourism development. However, these wetlands are degraded and decline due to many reasons such as: unreasonable in management and planning, environmental pollution, lack of attention and knowledge of government and ordinary people about importance of wetlands. Therefore, the direction of sustainable development management of wetlands in Da Nang city is essential to ensure the preservation and promotion of all the values of the wetlands, especially in adapting to climate change issue in big cities.